

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm, tương đồng với diễn biến chứng khoán thế giới sau khi Ngoại trưởng Nga Sergei Lavrov cho biết Moscow hy vọng chiến dịch quân sự tại Ukraine sẽ kết thúc với một "thỏa thuận toàn diện" về các vấn đề an ninh

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở.

## [Thông tin doanh nghiệp]

POW, DRC

## [Vĩ mô/Chiến lược]

CTG, VNM

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

21/03/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,494.95	+1.76
VN30	1,502.67	+1.74
HĐTL VN30F1M	1,494.90	+1.14
HNXIndex	458.29	+1.57
HNX30	842.52	+1.78
UPCoM	116.18	+0.12
USD/VND	22,860	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.38	+6
Lãi suất qua đêm (%)	2.24	+30
Dầu (WTI, \$)	108.87	+3.98
Vàng (LME, \$)	1,926.69	+0.26



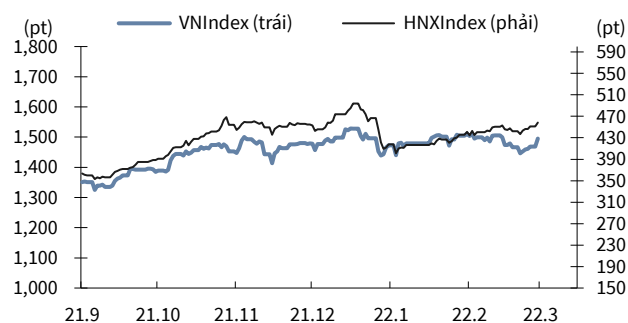
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,494.95 (+1.76%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>792.1 (+9.8%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>1,059.7 (+0.0%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>458.29 (+1.57%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>106.3 (-16.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>134.3 (-3.0%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>116.18 (+0.12%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>81.9 (-24.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>62.5 (+7.9%)</b>

TTCK tăng điểm, tương đồng với diễn biến chứng khoán thế giới sau khi Ngoại trưởng Nga Sergei Lavrov cho biết Moscow hy vọng chiến dịch quân sự tại Ukraine sẽ kết thúc với một "thỏa thuận toàn diện" về các vấn đề an ninh. Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), sản xuất thép thành phẩm trong tháng 2 là 2.6 triệu tấn, tăng 1.2% MoM và tăng 16.1% YoY, cổ phiếu ngành thép tăng ở HPG (+0.8%), NKG (+2.4%). Hiệp hội Xi măng Việt Nam cho biết giá xi măng đồng loạt tăng 100,000 - 150,000 đồng/tấn từ ngày 20/3, do giá nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt giá xăng dầu và than đá tăng mạnh, cổ phiếu ngành xi măng tăng ở HT1 (+2.1%). Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, 2 tháng đầu năm nay lượng gạo xuất khẩu là 974,556 tấn, tăng 48.6% YoY, cổ phiếu ngành gạo tăng ở LTG (+0.5%). Khối ngoại mua ròng ở STB (+0%), GEX (+2%), GAS (+4.7%).

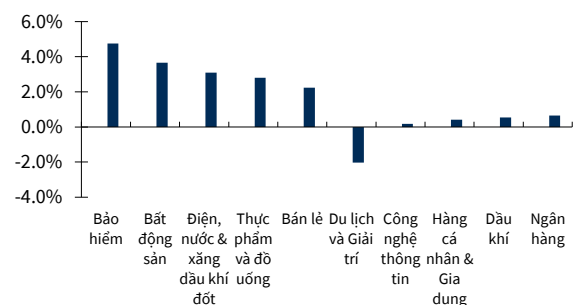
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +47.8**

## VNIndex & HNXIndex



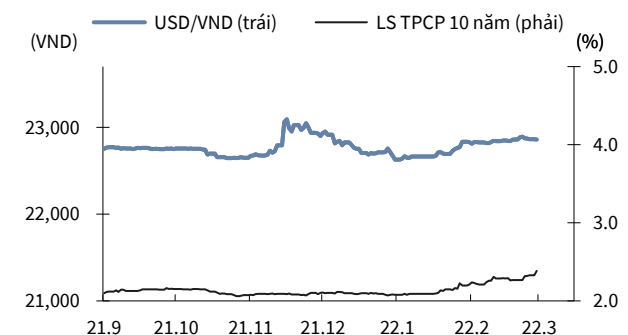
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

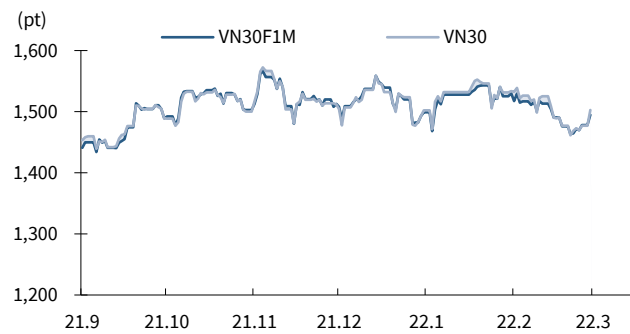
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,502.67 (+1.74%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,494.9 (+1.14%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,479.7</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,496.1</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,479.1</b>

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 mở cửa và tăng lên mức cao nhất ngày tại 4.26 điểm, sau đó đảo chiều và biến động với biên độ âm suốt phiên trước khi đóng cửa ở mức -7.77 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

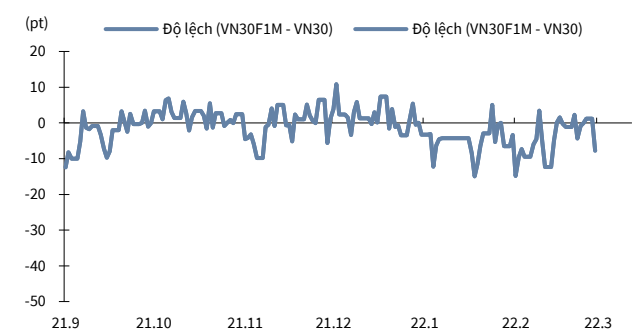
**KLGD (HĐ)**      **110,257 (+4.5%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



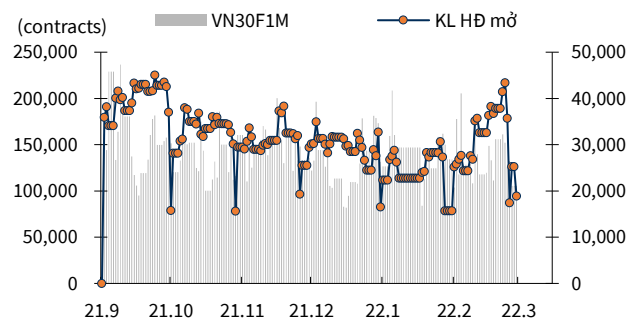
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



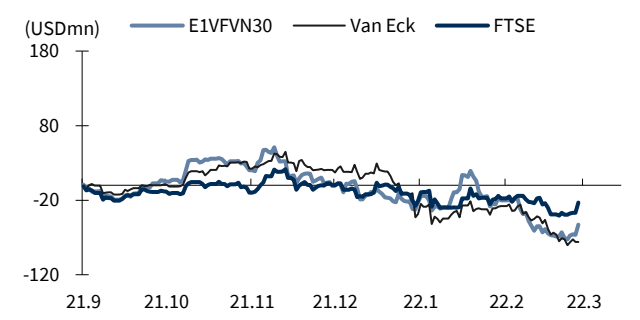
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

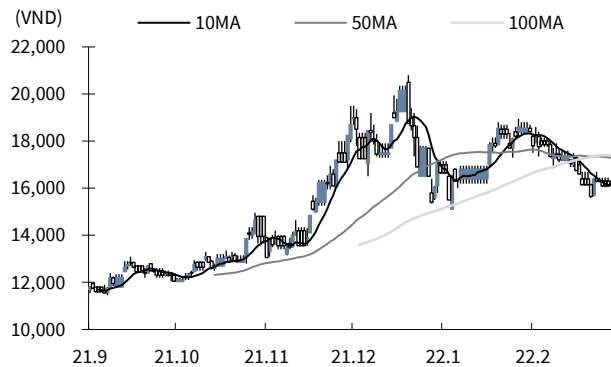
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

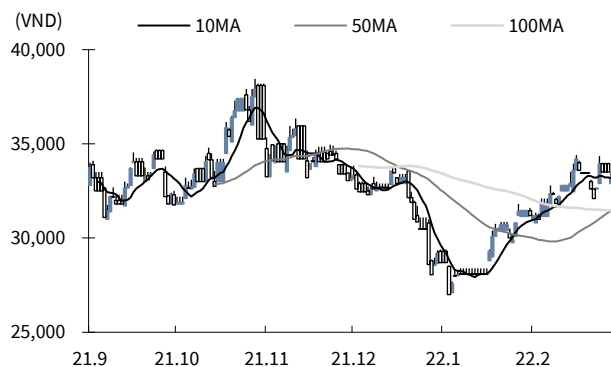
## Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW tăng 0.62% lên 16,200 VND/cp
- PV Power giải trình doanh thu tháng 2 giảm là do nhu cầu phụ tải điện trên toàn hệ thống sụt giảm mạnh, và Qc của các nhà máy điện được giao rất thấp bởi xung đột Nga - Ukraine khiến giá của các nguồn cung nhiên liệu như dầu, khí, than tăng cao.
- POW cho biết thêm sự cố thủng ống lò hơi ngày 16/2 tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu tháng 2.

## CTCP Cao Su Đà Nẵng (DRC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DRC giảm 0.9% xuống 33,200 VND/cp
- CTCP Cao su Đà Nẵng lợi nhuận trước thuế quý I ước khoảng 72 tỷ đồng (-9% YoY) hoàn thành mục tiêu quý đề ra, và doanh thu quý I đạt 1,164 tỷ đồng (+28% YoY) và vượt 17% kế hoạch.
- Mục tiêu quý II, doanh thu đạt 1,255 tỷ đồng (+4% YoY) và lợi nhuận trước thuế của công ty là 80 tỷ đồng (-40% YoY).

03/16/2022

**4Q2021, LNTT đạt 3,678 tỷ VND, giảm 45.2% YoY**

4Q2021, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 10,396 tỷ VND (+5.3% QoQ, +1.1% YoY; TOI đạt 13,887 tỷ VND (+13.3% QoQ, +5.9% YoY). Chi phí dự phòng giảm mạnh so với 2 quý trước, đạt 4,377 tỷ VND (-21.1% QoQ) khiến LNTT 4Q2021, đạt 3,678 tỷ VND (+20.2% QoQ, -45.2% YoY).

**Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.26%, giảm 40bps QoQ nhờ nợ nhóm 4 giảm mạnh**

Chất lượng tài sản được cải thiện trong 4Q2021 với tỷ lệ nợ xấu đạt 1.26%, giảm 40bps QoQ với nợ nhóm 4 giảm mạnh mẽ. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 180.4%, cao thứ 5 hệ thống ngân hàng. Tính đến hết tháng 12/2021, phần nợ được tái cơ cấu khoảng 10.3 nghìn tỷ VND so với 7.8 nghìn tỷ VND vào 3Q2021.

**CTG và Manulife công bố thỏa thuận hợp tác độc quyền phân phối bảo hiểm**

Ngày 24/1/2022, CTG và Manulife công bố thỏa thuận hợp tác độc quyền kéo dài 16 năm với upfront fee khoảng 30 triệu USD, dự kiến chi trả trong 6 năm. Dự kiến CTG có thể bắt đầu ghi nhận khoảng 5 triệu USD upfront fee trong 1Q2022.

**Áp dụng chính sách miễn phí giao dịch VietinBank Ipay**

Bắt đầu từ ngày 1/1/2022, khách hàng sử dụng dịch vụ Ngân hàng số VietinBank iPay được miễn phí hoàn toàn phí chuyển tiền trong và ngoài hệ thống và một số phí liên quan. Chính sách mới sẽ giảm lãi phí dịch vụ tuy nhiên sẽ thúc đẩy tăng trưởng CASA, tăng khả năng cạnh tranh của CTG trong thời gian tới.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 43,100 VND/cp**

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu cho năm 2022 là 43,100 VND/cp, cao hơn 34.9% so với giá tại ngày 15/03/2022.

## MUA

**Giá mục tiêu VND 43,100**

Tăng/Giảm	34.9%
Giá hiện tại (15/03/2022)	VND 32,950
Giá mục tiêu thị trường	VND 38,587
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	153,543

**Dự phóng KQKD & định giá**

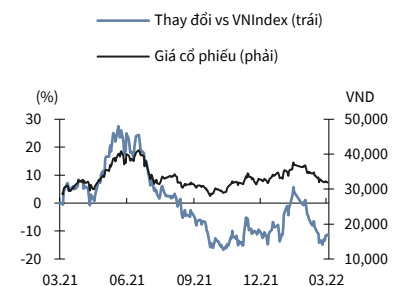
Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,581	41,788	46,046	50,662
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	29,232	35,970	40,330	42,934
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	13,694	14,092	21,068	28,228
EPS (VNĐ)	3,678	2,932	4,384	5,874
Tăng trưởng EPS (%)	45%	-20%	49%	34%
PER (x)	11.9	14.9	10.0	7.5
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	22,939	19,488	23,264	28,638
PBR (x)	1.91	2.25	1.88	1.53
ROE (%)	16.9%	15.9%	20.6%	22.7%
Tỷ suất cổ tức tiền mặt (%)			1.14%	1.14%

**Dữ liệu giao dịch**

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	377/16.5
Sở hữu nước ngoài (%)	25.69%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

**Biến động giá cổ phiếu**

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-8	-2	3	11
Tương đối	-5	0	-4	-12



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)

## Mức định giá hấp dẫn nhưng ngắn hạn chịu nhiều áp lực từ giá nguyên liệu

Chuyên viên phân tích Lương Ngọc Tuấn Dũng  
dunglnt@kbsec.com.vn

21/03/2022

**Doanh thu thuần tăng nhẹ nhưng LNST giảm trong 2021**

Cả năm 2021, doanh thu thuần đạt 61,012 tỷ VNĐ (+2% YoY) – đạt 98.2% kế hoạch năm. LNST hợp nhất đạt 10,633 tỷ VNĐ (giảm 5.3% YoY) – đạt 94.6% kế hoạch năm.

**Biên lợi nhuận gộp tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi giá nguyên liệu đầu vào**

Biên gộp của VNM bị ảnh hưởng đáng kể do giá cả cước phí vận chuyển và đặc biệt là nguyên liệu đầu vào tăng mạnh trong năm 2021. Theo ước tính của chúng tôi, trung bình giá bột sữa sử dụng làm nguyên liệu đầu vào tăng lần lượt 22.6% (SMP) và 29.2% (WMP) trong năm 2021.

**Theo chúng tôi, biên lợi nhuận gộp tiếp tục kém khả quan trong 2022**

Với tình hình diễn biến phức tạp giữa Nga – Ukraina chưa có dấu hiệu suy giảm, cùng với đó là hiệu ứng từ chuỗi cung ứng chưa được giải quyết thì giá nguyên vật liệu nhiều khả năng sẽ vẫn bị neo ở mức cao. Chúng tôi cho rằng biên LNG của VNM sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng trong thời gian tới. Cụ thể, năm 2022 mức biên LNG hợp nhất là 43.08% (giảm nhẹ so với mức 43.14% cùng kỳ).

**Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 105,700 VNĐ/cp.**

Năm 2022, chúng tôi dự phóng DTT của VNM đạt 62,090 tỷ đồng (+1.92% YoY) và LNST đạt 11,000 tỷ đồng (+3.45% YoY). Cho năm 2023, DTT đạt 63,617 tỷ đồng (+2.46% YoY) và LNST tăng trưởng 2.8% YoY đạt 11,318 tỷ đồng. Mặc dù chịu ảnh hưởng từ BLNG và tốc độ tăng trưởng thấp, chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA với cổ phiếu VNM, mức giá mục tiêu 105,700 VNĐ/cp. Chúng tôi cho rằng VNM vẫn có mức định giá hấp dẫn, ở P/E fw hiện tại khoảng 14x lần.

## MUA

**Giá mục tiêu 105,700 VND**

Tăng/giảm (%)	39%
Giá hiện tại (18/03/2022)	76,000
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VNĐ/ triệu USD)	158.836/7.059

### Dữ liệu giao dịch

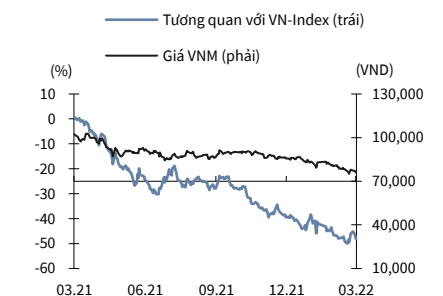
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	40%
GDTB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD)	186.7/8.3
Sở hữu nước ngoài	54.22%
Cổ đông lớn	SCIC (36%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-6	-11	-17	-24
Tương đối	-3	-10	-26	-48

### Dự phóng KQKD & định giá

FY – end	2020A	2021A	2022E	2023E
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	59,636	60,919	62,090	63,617
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	13,539	12,728	13,227	13,617
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	11,236	10,633	11,013	11,338
EPS (nghìn VNĐ)	4,770	4,517	5,222	5,377
Tăng trưởng EPS (%)	-12.9	-5.3	15.6	3.0
P/E (x)	22.8	19.1	14.6	14.1
P/B (x)	6.8	5.0	4.1	4.0
ROE (%)	36	33	32	31
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	45	35	35	35

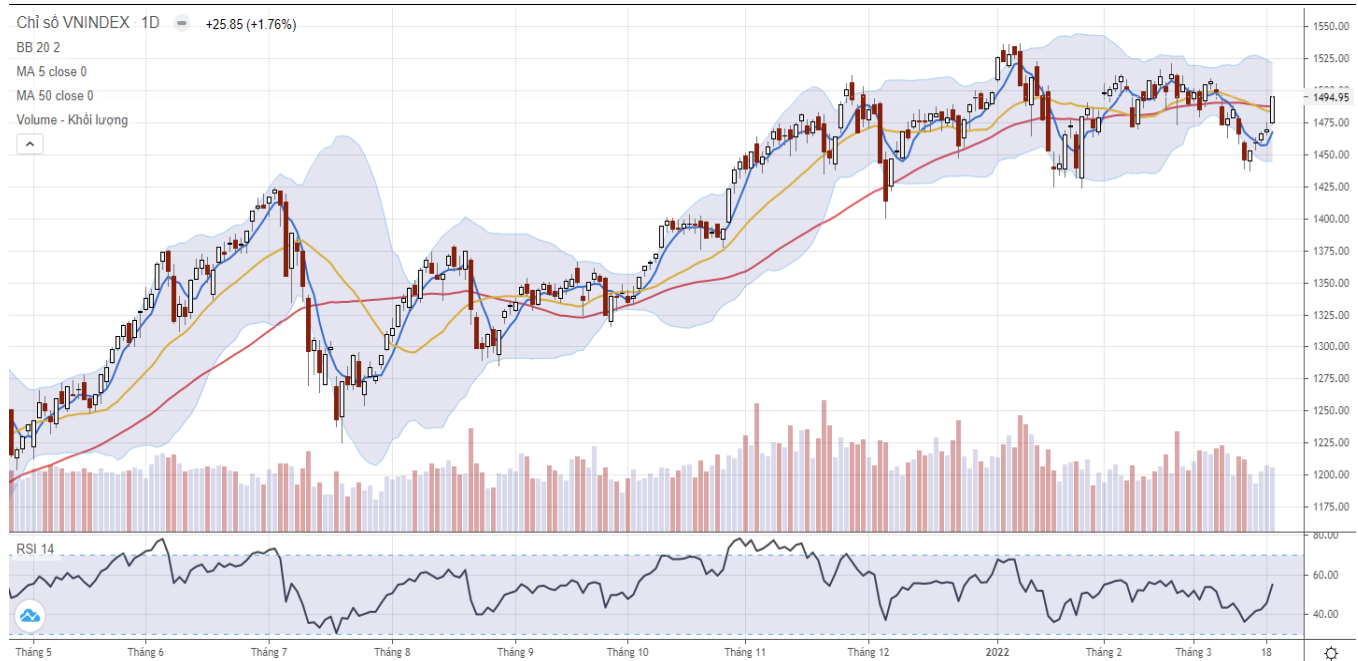


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

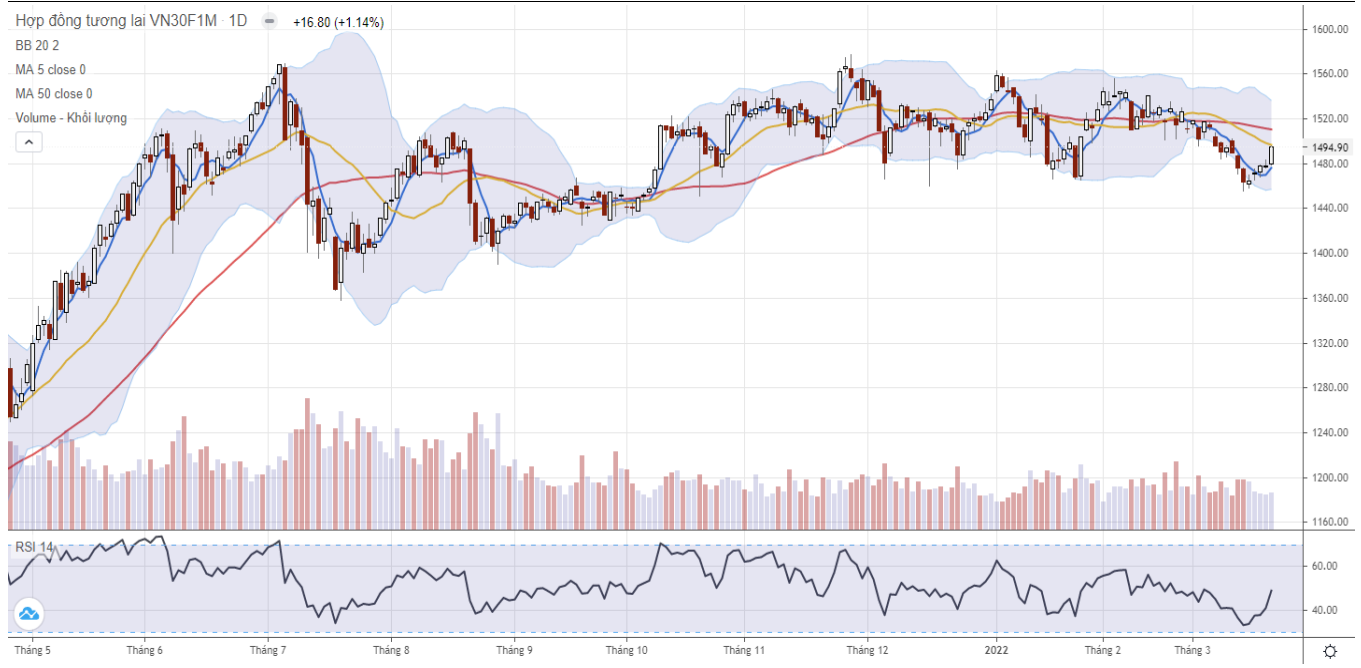
- VNIndex tăng điểm tích cực ngay từ đầu phiên và dần mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Chỉ số đã không mấy khó khăn để vượt qua vùng cản gần tại quanh 1480 và đang tiếp cận sát ngưỡng cản tâm lý quanh 1500. Với momen tăng điểm tích cực cùng sự lan tỏa của dòng tiền đến các nhóm ngành, VNIndex đang có nhiều cơ hội vượt qua ngưỡng cản này trước khi chịu áp lực rung lắc trở lại tại vùng kháng cự kế tiếp quanh 1520 (+-5).
- NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.



## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:**

**Kháng cự gần:**

**Hỗ trợ gần:**

**Hỗ trợ xa:**

- F1 giảm co nhẹ vào đầu phiên trước khi xác lập các nhịp tăng gói đầu và mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Chỉ số đã không mấy khó khăn để vượt qua vùng cản gần tại quanh 148x và đang tiếp cận sát ngưỡng cản tâm lý quanh 1500. Với momen tăng điểm tích cực cùng sự lan tỏa của dòng tiền, F1 đang có nhiều cơ hội vượt qua ngưỡng cản này trước khi chịu áp lực rung lắc trở lại tại vùng kháng cự kế tiếp quanh 1520.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế Long khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

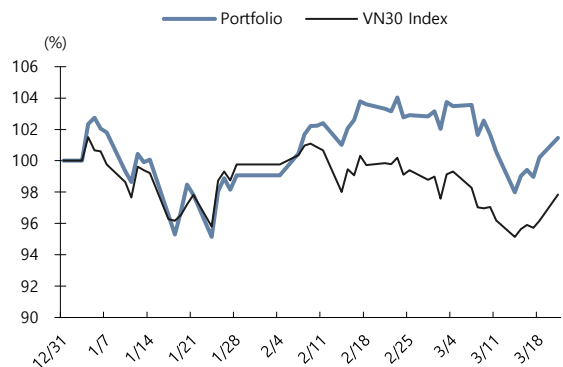
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.74%	1.25%
Tăng lũy kế (YTD)	-2.15%	1.47%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/03/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	134,900	2.5%	74.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	62,400	-0.2%	3.5%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	105,600	2.0%	37.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	204,500	0.7%	6.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,000	0.3%	111.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	95,300	0.2%	227.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,850	0.2%	73.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	114,000	4.7%	55.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,850	0.8%	223.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	53,800	1.3%	292.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	0.0%	19.7%	116.2
GEX	2.0%	7.7%	113.4
GAS	4.7%	2.8%	60.9
VRE	0.6%	30.0%	56.9
VNM	2.1%	54.2%	53.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SAB	0.5%	62.6%	3.7
BID	-0.2%	16.9%	-8.3
MIG	6.9%	3.9%	18.0
VJC	-3.3%	16.7%	-3.5
OCB	-0.2%	22.0%	2.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.9%	8.8%	6.6
TA9	2.1%	5.8%	0.7
GIC	-0.9%	3.5%	0.7
PIA	0.0%	11.2%	0.4
TNG	0.3%	1.8%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PLC	4.3%	2.2%	-8.7
SHS	0.7%	8.2%	-8.2
VCS	-0.8%	3.7%	-2.1
PVI	2.6%	57.9%	-1.5
DP3	1.7%	2.5%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	7.1%	BVH, PGI
Bất động sản	5.8%	VHM, NVL
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.4%	GAS, POW
Công nghệ thông tin	4.5%	FPT, SAM
Bán lẻ	4.2%	MWG, FRT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-1.9%	HVN, VJC
Dầu khí	0.5%	PLX, PVD
Y tế	1.4%	TRA, DCL
Tài nguyên Cơ bản	2.0%	SHI, GTA
Ngân hàng	2.3%	EIB, OCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	17.1%	YEG
Hóa chất	8.6%	DGC, DCM
Bán lẻ	4.8%	FRT, DGW
Bảo hiểm	4.5%	BVH, PGI
Tài nguyên Cơ bản	2.1%	NKG, TTF

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-4.6%	MSN, SAB
Du lịch và Giải trí	-3.3%	HVN, VJC
Dầu khí	-3.1%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-2.8%	TCH, SVC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.8%	PGD, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	263,897 (11.6)	22.5	273.2	71.5	14.7	1.1	4.4	3.2	3.0	2.8	3.4	-3.1	-14.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	329,867 (14.4)	26.6	9.5	8.1	35.9	25.0	23.3	2.1	1.7	3.9	4.0	-3.1	-5.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	215,248 (9.4)	17.8	28.0	18.8	-7.6	8.7	11.8	2.3	2.2	0.6	3.8	-2.6	10.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	287,647 (12.6)	31.3	27.9	18.8	6.7	15.4	18.7	3.9	3.1	6.9	7.7	5.0	-9.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	67,529 (3.0)	11.6	25.0	20.5	18.0	13.7	14.4	3.0	2.7	4.5	6.2	-1.7	4.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	489,192 (21.4)	13.9	19.6	21.7	-	14.8	12.4	2.7	2.6	6.9	12.3	13.4	28.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	117,511 (5.1)	6.3	15.1	12.4	11.7	20.4	21.2	2.8	2.3	0.8	0.8	-2.9	7.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	103,578 (4.5)	12.7	16.5	11.9	-5.3	17.2	20.2	2.3	2.1	-0.2	6.1	-3.2	18.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	361,963 (15.8)	0.0	8.0	6.6	14.3	21.0	20.5	1.5	1.2	0.5	2.0	-4.0	-1.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	263,434 (11.5)	1.4	8.4	6.5	61.1	19.6	22.9	1.5	1.2	0.2	3.0	-4.5	-3.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	680,607 (29.8)	0.0	10.9	8.8	18.8	16.6	17.3	1.7	1.4	1.5	2.2	2.5	2.8
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	625,996 (27.4)	0.0	8.2	6.8	14.6	22.8	22.0	1.5	1.2	0.3	1.7	-1.4	11.4
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	141,596 (6.2)	4.2	7.9	6.8	23.3	21.8	19.8	-	-	2.5	4.4	-4.4	-8.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	611,319 (26.8)	14.0	11.8	7.9	26.5	14.2	18.7	1.6	1.4	0.0	1.8	-0.3	5.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	243,133 (10.6)	0.0	9.4	7.6	37.4	23.0	22.6	2.0	1.6	1.0	1.8	-2.4	-2.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	22,199 (1.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.6	-1.1	2.5	7.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,944 (2.6)	21.0	20.8	17.0	15.8	9.7	11.0	1.9	1.7	4.3	6.2	2.3	4.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	21,675 (0.9)	14.2	25.7	20.4	9.1	10.8	13.1	2.4	2.2	6.0	9.3	8.7	-3.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	510,841 (22.4)	55.4	19.8	18.6	-3.2	15.2	15.2	-	-	1.1	2.5	-3.7	-14.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	180,634 (7.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.7	1.7	-4.8	-18.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	160,613 (7.0)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.6	2.0	-7.8	-22.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	456,411 (20.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.2	0.8	5.0	-3.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	174,158 (7.6)	42.1	16.1	14.9	4.0	31.3	32.9	4.7	4.4	2.1	0.5	-4.2	-10.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,621 (0.9)	36.9	22.7	18.8	7.3	19.7	21.4	4.2	3.7	0.5	-1.2	10.3	0.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	140,921 (6.2)	16.5	31.5	7.6	-51.9	17.9	23.0	5.2	4.2	6.1	6.5	-9.5	-15.2
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	115,191 (5.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.7	4.7	2.2	-18.8	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	142,964 (6.3)	11.0	-	124.7	-88.5	1.0	6.8	-	-	-3.3	-1.2	-1.8	11.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	188,380 (8.2)	10.8	22.5	20.3	-57.0	12.1	13.1	2.5	2.3	0.9	4.8	6.3	15.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	302,233 (13.2)	38.4	12.9	8.4	65.7	11.2	14.9	1.5	1.3	3.6	10.2	-4.2	-31.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	133,442 (5.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	4.0	13.9	2.3	-33.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	601,620 (26.3)	37.7	19.0	13.9	-13.2	12.0	15.1	-	-	1.9	6.7	-2.6	-3.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	54,602 (2.4)	3.6	17.8	13.6	-52.4	4.3	5.4	0.7	0.7	-0.7	0.3	-8.9	-21.1
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	43,195 (1.9)	0.0	11.2	9.4	-4.5	13.8	14.4	1.5	1.4	0.3	-1.2	-0.6	4.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	138,310 (6.1)	46.1	18.9	18.6	-17.5	21.5	21.7	3.8	3.6	4.7	7.5	-1.6	18.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	13,792 (0.6)	31.4	12.2	9.8	-10.5	14.3	15.8	1.5	1.4	0.2	1.3	-7.3	-13.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,593 (0.2)	34.1	15.8	9.8	-5.1	10.1	17.3	1.4	1.3	-0.2	-0.7	-3.1	-9.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,305,705 (57.2)	18.0	7.2	6.9	21.9	29.2	24.5	1.8	1.4	0.8	2.3	0.4	1.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	507,683 (22.2)	36.5	10.3	15.7	-0.5	30.7	17.8	3.5	3.2	-0.2	1.0	28.4	24.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	384,982 (16.8)	46.5	9.3	13.6	-4.5	29.9	17.6	2.4	2.2	0.5	-1.5	36.5	16.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	497,613 (21.8)	38.9	6.7	6.7	67.9	24.0	20.4	1.4	1.2	0.9	0.5	3.9	2.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	91,711 (4.0)	97.2	17.3	17.4	17.2	7.0	-	1.2	1.2	1.1	3.5	-4.6	-11.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	211,851 (9.3)	4.6	17.9	6.8	-51.0	15.4	16.4	2.1	2.0	0.2	0.2	-6.5	3.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	393,096 (17.2)	39.9	32.7	17.0	-11.9	3.5	6.2	1.1	1.0	2.3	1.8	16.3	22.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	183,737 (8.0)	35.9	9.6	8.4	1.2	17.2	16.4	1.4	1.2	0.8	5.5	13.0	7.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	177,762 (7.8)	0.0	15.0	12.9	13.7	28.9	29.0	4.0	3.5	2.5	2.4	0.7	-0.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	151,413 (6.6)	0.0	17.7	14.2	2.4	21.2	20.6	3.3	2.7	2.0	7.2	-0.8	9.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	19,319 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	4.0	25.7	13.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	166,697 (7.3)	30.3	20.3	16.0	-75.2	30.7	29.9	5.3	4.3	1.6	17.9	35.6	46.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	49,176 (2.2)	34.6	10.5	11.6	41.2	33.6	26.0	2.9	2.3	0.8	3.6	-4.8	8.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,517 (0.2)	45.4	18.9	17.7	10.7	19.3	18.8	3.4	3.1	1.2	0.7	-4.3	-2.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	135,542 (5.9)	0.0	17.6	14.7	15.5	27.0	31.1	4.1	5.1	0.2	3.8	1.9	2.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.